

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2024
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hà
- Bà Đặng Thị Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hàn Q, sinh năm 1996.

Địa chỉ: D ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: D ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hàn Q trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014. Sau khi sinh cháu Nguyễn Minh N thì đến tháng 8 năm 2015 bà và ông Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyền số 01/2015, ngày 13/8/2015. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc gần 10 năm thì năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Đ không quan tâm gia đình, không có trách nhiệm phụ giúp bà cùng nuôi con. Từ năm 2023 đến nay, vợ chồng bà sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị Hàn Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/5/2015. Hiện cháu N do bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Q yêu cầu nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Q trình bày không có.

- Về nợ chung: Bà Q trình bày không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng ông Đ không có ý kiến, đồng thời vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hàn Q có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hàn Q có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú: 445 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quan hệ tranh chấp này là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Bà Nguyễn Thị Hàn Q tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Ông Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm; bà Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/2015, ngày 13/8/2015). Như vậy hôn nhân giữa bà Q và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông Đ không làm tốt vai trò, trách nhiệm của người chồng để cùng bà Q chăm lo cuộc sống cho gia đình, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ khó khăn trong gia đình. Từ năm 2023 đến nay, bà Q và ông Đ sống ly thân. Qua kết quả xác minh ngày 17/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C xác nhận: “Trong thời gian chung sống giữa bà Nguyễn Thị Hàn Q và ông Nguyễn Văn Đ không có bạo hành gia đình, nhưng mâu thuẫn thì có xảy ra thường xuyên nên hai người đã ly thân hơn một năm nay”.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng. Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hàn Q về việc ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà Q và ông Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/5/2015.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hàn Q, lời trình bày của cháu Nguyễn Minh N thể hiện cháu N có nguyện vọng sống với bà Q. Bà Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên yêu

cầu được nuôi con chung của bà **Q** là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu **Nguyễn Minh N** cho bà **Nguyễn Thị Hàn Q** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà **Q** không đặt ra yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Q** trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà **Nguyễn Thị Hàn Q** là có căn cứ, lời đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[4] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Do bà **Nguyễn Thị Hàn Q** là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị Hàn Q** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Đ**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu **Nguyễn Minh N**, sinh ngày 18/5/2015 cho bà **Nguyễn Thị Hàn Q** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Q** không yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Nguyễn Văn Đ** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về nợ chung và tài sản chung: Ghi nhận lời khai của bà **Nguyễn Thị Hàn Q** trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hàn Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034509 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà Nguyễn Thị Hàn Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Phúc